

Bản án số: 919/2023/HS-PT

Ngày: 07/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 07 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 558/2023/TLPT- HS ngày 01 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Đình Vân; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2023/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Đình V, sinh năm 1963, tại tỉnh Vĩnh Phúc; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; HKTT và nơi cư trú hiện nay: tổ F, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH V1; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1933 và bà Lê Thị L, sinh năm 1936; vợ: Nguyễn Thị T1; con có 02 người con;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: có 02 bản án đã được xóa án tích, Bản án số 27 ngày 16/01/2007 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt 12.000.000 đồng. 2. Bản án số 59 ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: luật sư Đặng Đức A, Luật sư của Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình V là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn V1, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, ngành nghề kinh doanh chính là “Chế biến nông sản”. Công ty được UBND tỉnh T cấp giấy nhúng nhận quyền sử dụng đất số CD 694973 ngày 24/3/2022 cho thuê sử dụng trong thời hạn 50 năm.

Do kinh doanh gặp khó khăn, V nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác bằng thủ đoạn làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền. Khoảng tháng 3/2022, V liên lạc với zalo tên Z (không rõ họ tên, địa chỉ) đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Đình V với giá 7.000.000 đồng. V chụp hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật do Nhà nước cấp cho Công ty V1 gửi qua zalo và chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản của Trần Quốc T2 cho Z. Khoảng 01 tuần sau, V nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Đình V, số CD 694973, số vào sổ cấp GCN: CT04412, ngày 24/3/2022 do UBND tỉnh T cấp thông qua nhà xe tại bến xe K thuộc xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, V gặp và nhờ anh Nguyễn Chí H tìm giúp chỗ thế chấp để vay tiền thì anh H đồng ý, anh H giới thiệu V cho chị Nguyễn Thị Minh L1 (tên gọi khác K), chị L1 giới thiệu V cho anh Nguyễn Minh T3, anh T3 tiếp tục giới thiệu V cho anh Nguyễn Công D. Sau đó, anh T3, anh D đến nhà V gặp trực tiếp V để xem đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi xem đất xong anh D gọi điện thoại cho anh Hoàng Minh T4 nói có khách cần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền, số tiền V vay là 2.500.000.000 đồng anh T4 đồng ý nhưng với điều kiện phải đến văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T4.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/4/2022, V mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến Văn phòng công chứng Trần Duy L2, số B đường C, Khu phố A, Phường A, thành phố T làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Minh T4 lấy số tiền 2.500.000.000 đồng như thỏa thuận. Lúc này, anh H, chị L1 và anh T3 cùng đến Văn phòng công chứng để nhận tiền môi giới V vay tiền của anh T4. Do nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của V là giấy giả nên văn phòng công chứng thông báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T bắt quả tang.

Kết luận giám định số 513/KL-KTHS ngày 26/4/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” mang tên ông: Nguyễn Đình V, số CD 694973, số vào sổ cấp GCN: CT04412, ngày 24/3/2022 cần giám định là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 39/2023/HS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

1. Căn cứ vào các điều 15; 38; 54; 55; 57; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan nhà nước*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V 09 (chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan nhà nước*”.

Tổng hợp hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình V là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 21-4-2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/6/2023 bị cáo Nguyễn Đình V có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của người bị hại nên không cấu thành tội phạm.

Trong phần tranh luận:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao phát biểu: Bị cáo Vân thừa nhận nhờ người làm sổ đất giả để thế chấp vay tiền của anh T4; Xét bị cáo nhận thức được việc sử dụng giấy tờ giả để gian dối với anh T4 vay số tiền 2,5 tỷ đồng, anh tâm đã đồng ý và yêu cầu bị cáo lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ. Ngày 21/4/2022 bị cáo đã đến phòng công chứng Trần Duy L2 làm các thủ tục theo yêu cầu của anh T4; Nhưng do công chứng viên phát hiện giấy CNQSDĐ giả nên báo công an đến bắt giữ bị cáo. Việc bị cáo có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh T4 là vi phạm pháp luật. Việc bị cáo chưa lấy được số tiền đã thỏa thuận với T4 là ngoài ý muốn của bị cáo, đây là trở ngại khách quan. Nên, Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” trong trường hợp phạm tội chưa đạt theo khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Đặng Đức A bào chữa cho bị cáo: Việc bị cáo làm sổ giả là để vay tiền của anh T4 chứ không phải sang nhượng; Việc này các bên đã thừa nhận (đây là hợp đồng giả tạo). Giữa bị cáo và anh T4 mới chỉ thỏa thuận T4 đồng ý cho bị cáo vay 2,5 tỷ, hai bên chưa biết mặt nhau; T4 không có mặt tại phòng công chứng. Số tiền trên T4 chưa giao cho bị cáo. Như vậy hành vi của bị cáo là có gian dối nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản nên căn cứ vào điều 174 Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm; Đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Mặt khác, hành vi của bị cáo mục đích là vay tiền của anh T4, trong khi đó tài sản của bị cáo hiện có giá trị lớn hơn nhiều lần so với số tiền bị cáo vay của T4 nên nếu T4 có giao tài sản cho bị cáo thì bị

cáo đủ khả năng để thanh toán lại cho anh T4. Đối với tội “*sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước*” đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Nếu cấu thành thì bị cáo chỉ bị xử phạt theo khoản 1 điều 341 chứ không phải khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự như cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo trình bày bào chữa bổ sung: Hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có thật, nhưng bị cáo chỉ thế chấp vay tiền của T4 rồi sẽ trả chứ không có ý định chiếm đoạt; Bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của T4 nên chưa cấu thành tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi và tội danh của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa và bị cáo; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình V trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Do kinh doanh gặp khó khăn, V nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác bằng thủ đoạn làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền. Khoảng tháng 3/2022, V liên lạc zalo với tên Z (không rõ họ tên, địa chỉ) đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Đình V với giá 7.000.000 đồng. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, V gặp và nhờ anh Nguyễn Chí H tìm giúp chỗ thế chấp để vay tiền thì anh H đồng ý, anh H giới thiệu V cho chị Nguyễn Thị Minh L1 (tên gọi khác K), chị L1 giới thiệu V cho anh Nguyễn Minh T3, anh T3 tiếp tục giới thiệu V cho anh Nguyễn Công D. Sau đó, anh T3, anh D đến nhà V gặp trực tiếp V để xem đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi xem đất xong anh D gọi điện thoại cho anh Hoàng Minh T4 nói có khách cần thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền, số tiền V vay là 2.500.000.000 đồng anh T4 đồng ý, nhưng với điều kiện phải đến văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T4.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/4/2022, V mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến Văn phòng công chứng Trần Duy L2, thành phố T làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Minh T4 để nhận số tiền 2.500.000.000 đồng như thỏa thuận. Lúc này, anh H, chị L1 và anh T3 cùng đến Văn phòng công chứng để nhận tiền môi giới V vay tiền của anh T4. Do phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của V là giấy giả nên văn phòng công chứng thông báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T bắt quả tang.

[3] Tại cơ quan điều tra và tại tòa, bị cáo Nguyễn Đình V đã thừa nhận hành vi của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo cho rằng mình chưa chiếm đoạt được tài sản của anh T4 và thực chất bị cáo chỉ vay mượn tạm 03 tháng vì lúc đó Ngân hàng không

cho vay, trong khi bị cáo phải trả cho Công nhân 600-700 triệu đồng tiền lương và cần tiền để mua nguyên vật liệu sản xuất rồi sẽ hoàn trả lại cho anh T4, bị cáo không có ý chiếm đoạt.

[4] Xét hành vi của bị cáo đã có ý định chiếm đoạt tiền từ trước, nên đã liên hệ thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi có GCNQSDĐ giả, V đến phòng công chứng để làm thủ tục nhằm chiếm đoạt số tiền 2.500.000.000 đồng của anh T4, nhưng bị Công chứng viên phát hiện và báo Công an đến bắt quả tang nên chưa chiếm đoạt được. Bị cáo nhận thức rõ được hành vi gian dối của bị cáo là vi phạm pháp luật; Dùng GCNQSDĐ giả để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác, làm cho người bị hại tin tưởng để giao tài sản cho bị cáo. Việc bị cáo V không lấy được số tiền đã thỏa thuận với anh T4 là ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” trong trường hợp phạm tội chưa đạt, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo cho rằng do bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản nên chưa cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là không có căn cứ nên kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[5] Đối với tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước*”; Như đã phân tích, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm; bị cáo đã sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 2,5 tỷ đồng của anh T4, nên theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự thì bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*”. Do đó Tòa cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” phạm tội chưa đạt và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước*” là có căn cứ. Tuy nhiên, xét hành vi của bị cáo thực hiện đã bị ngăn chặn; do đó bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của người bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 9 năm tù là có phần nghiêm khắc nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị bác kháng cáo của bị cáo về phần tội danh là có căn cứ. Về phần hình phạt, như đã nhận định; Hành vi của bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của người bị hại nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt không được chấp nhận.

[8] Ý kiến bào chữa của luật sư và bị cáo V thấy rằng: Như đã phân tích, hành vi của bị cáo V đã cấu thành tội phạm và khung hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận lời bào chữa của luật sư và bị cáo.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Đình V không phải chịu.

[10] Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình V về phần tội danh. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình V; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 39/2023/HS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về phần hình phạt.

Tuyên xử

1. Áp dụng các điều 15; 38; 54; 55; 57; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” chưa đạt và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước*”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đình V phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/4/2022.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình V không phải chịu.

3. Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Nguyễn Thị Thúy Hòa

Lê Văn An